

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện chế độ cử tuyển của địa phương
giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 3858/BGDĐT-GDĐH ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển và gửi đề nghị phê duyệt chỉ tiêu năm 2026 của các địa phương;

Trên cơ sở tổng hợp số liệu và đánh giá thực tế tình hình triển khai, tổ chức đào tạo cũng như bố trí, tuyển dụng vị trí việc làm cho người học sau tốt nghiệp trên địa bàn; Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển của địa phương giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025 với các nội dung cụ thể sau:

1. Thống kê kết quả thực hiện chế độ cử tuyển vào các cơ sở đào tạo giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025

(Theo phụ lục đính kèm)

2. Báo cáo việc thực hiện chế độ cử tuyển giai đoạn từ năm 2020 - 2025

2.1. Tình hình triển khai thực hiện chế độ cử tuyển tại địa phương

- Trong giai đoạn 2020–2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định của Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hằng năm, trên cơ sở chỉ tiêu cử tuyển được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao, tỉnh tổ chức xét cử tuyển bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Trong quá trình triển khai, tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các cơ sở đào tạo theo dõi tình hình học tập của sinh viên cử tuyển, đồng thời rà soát nhu cầu sử dụng sau đào tạo để làm cơ sở bố trí, tuyển dụng khi người học tốt nghiệp.

2.2. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện chế độ cử tuyển theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công tác

xét cử tuyển được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn và quy trình.

- Việc xác định chỉ tiêu cử tuyển được thực hiện trên cơ sở nhu cầu đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực của địa phương, góp phần tạo điều kiện cho học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có cơ hội học tập ở trình độ đại học, từng bước tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các sở, ngành, địa phương đã có sự phối hợp trong việc rà soát nhu cầu đào tạo, tổ chức xét cử tuyển và theo dõi người học trong quá trình đào tạo, góp phần bảo đảm việc thực hiện chính sách đúng quy định.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Về công tác xác định và thực hiện chỉ tiêu cử tuyển

- Thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu cử tuyển thường muộn so với kế hoạch tuyển sinh của các trường đại học và các trường dự bị đại học. Sau khi được giao chỉ tiêu, địa phương phải thực hiện nhiều bước theo quy định như rà soát nhu cầu, thông báo, tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xét tuyển, trình phê duyệt và ban hành quyết định cử tuyển. Do đó, khi hoàn thành quy trình thì nhiều cơ sở đào tạo đã kết thúc tuyển sinh hoặc đã ổn định tổ chức năm học.

- Thực tế cho thấy, các trường dự bị đại học đã hoàn thành tuyển sinh và được cấp có thẩm quyền phê duyệt số lượng tuyển sinh, kinh phí thực hiện nên không còn khả năng tiếp nhận thêm người học. Trong nhiều trường hợp, khi địa phương hoàn tất việc cử tuyển thì năm học đã diễn ra gần hết học kỳ I, gây khó khăn cho cơ sở đào tạo trong việc tiếp nhận, tổ chức giảng dạy và bảo đảm chất lượng đào tạo.

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên và nhóm ngành sức khỏe, việc xác định điều kiện bảo đảm ngưỡng chất lượng đầu vào còn nhiều vướng mắc. Hiện nay, mỗi cơ sở giáo dục đại học sử dụng các tổ hợp xét tuyển khác nhau đối với cùng một ngành đào tạo, trong khi chưa có hướng dẫn thống nhất về việc xác định tổ hợp môn để đối chiếu với ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với sinh viên cử tuyển. Đối với ngành Y khoa và một số ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, trường hợp người học không tham dự Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông ở các môn Hóa học hoặc Sinh học thì địa phương gặp khó khăn trong việc xác định điều kiện xét tuyển theo quy định.

Về công tác bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Việc bố trí, tuyển dụng người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Trong quá trình đào tạo, đặc biệt đối với các ngành có thời gian học kéo dài như Y khoa hoặc trường hợp người học phải học dự bị, kéo dài thời gian đào tạo, nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực và vị trí việc làm của địa phương có sự thay đổi. Nhiều vị trí việc làm không thể để trống trong thời gian dài nên các cơ

quan, đơn vị phải tuyển dụng hoặc bố trí nhân lực khác để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Bên cạnh đó, việc thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và quản lý chặt chẽ số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập đã ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp.

Những khó khăn, vướng mắc nêu trên ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chính sách cử tuyển cũng như mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực theo địa chỉ sử dụng của địa phương.

2.3. Đề xuất, kiến nghị về chế độ cử tuyển

a) Đối với Chính phủ:

Chỉ đạo các bộ, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể hơn việc tuyển dụng người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp để các địa phương thực hiện đúng nguyên tắc bảo đảm người đi học theo chế độ cử tuyển được xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp (tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP).

b) Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản hướng dẫn để các địa phương thống nhất trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ đối với sinh viên cử tuyển trong thời gian học dự bị đại học.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển của địa phương giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch Lâm Hải Giang;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Nội vụ;
- CVP, PVPVX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX V7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

Phụ lục**THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỬ TUYỂN TỪ NĂM 2020-2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

Mẫu 1. Thống kê kết quả thực hiện chỉ tiêu được giao theo năm

STT	Năm, trình độ, ngành đào tạo	Chỉ tiêu đề xuất	Chỉ tiêu được giao	Tổng số thí sinh đã trúng tuyển đi học cử tuyển	Trong đó			Ghi chú
					Số sinh viên đang theo học	Số sinh viên đã thôi học	Số sinh viên đã tốt nghiệp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Năm 2020	0	0	0	0	0	0	
2	Năm 2021	0	0	0	0	0	0	
3	Năm 2022	0	0	0	0	0	0	
4	Năm 2023	3	3	1	1	0	0	
4.1	Trình độ ĐH							
4.1.1	Sư phạm Giáo dục Tiểu học	1	1	1	1	0	0	
4.1.2	Y Dược	2	2	0	0	0	0	
5	Năm 2024	13	4	1	3	1	0	Năm học 2025-2026 có 01 sinh viên nhập học cử tuyển và 02 sinh viên nhập học đại học.

STT	Năm, trình độ, ngành đào tạo	Chỉ tiêu đề xuất	Chỉ tiêu được giao	Tổng số thí sinh đã trúng tuyển đi học cử tuyển	Trong đó			Ghi chú
					Số sinh viên đang theo học	Số sinh viên đã thôi học	Số sinh viên đã tốt nghiệp	
5.1	<i>Trình độ ĐH</i>							
5.1.1	Giáo dục Mầm non	7	1	1	1	0	0	
5.1.2	Giáo dục tiểu học	5	3	0	2	1	0	
5.1.3	Sư phạm Tin học	1	0	0	0	0	0	
6	Năm 2025	0	0	0	0	0	0	
	Tổng	16	7	2	4	1	0	

Mẫu 2. Thống kê sinh viên tốt nghiệp

STT	Sinh viên tốt nghiệp theo năm, trình độ, ngành đào tạo	Số sinh viên đã tốt nghiệp	Chỉ tiêu được giao			Trong đó		Ghi chú
			Thuộc năm	Tổng số chỉ tiêu được giao của năm	Tỷ lệ (%)	Số sinh viên tốt nghiệp đã được phân công công tác	Số sinh viên chưa được phân công công tác	
1	Tốt nghiệp năm 2020							
	<i>Trình độ ĐH</i>							
	Y Khoa	6	2014	10	60,00	1	5	
2	Tốt nghiệp năm 2021							

STT	Sinh viên tốt nghiệp theo năm, trình độ, ngành đào tạo	Số sinh viên đã tốt nghiệp	Chỉ tiêu được giao			Trong đó		Ghi chú
			Thuộc năm	Tổng số chỉ tiêu được giao của năm	Tỷ lệ (%)	Số sinh viên tốt nghiệp đã được phân công công tác	Số sinh viên chưa được phân công công tác	
	<i>Trình độ ĐH</i>							
	Y Khoa	24	2014	30	80,00	20	4	
	Dược học	1	2012	22	4,55	0	1	
3	Tốt nghiệp năm 2022							
	<i>Trình độ ĐH</i>							
	Y Khoa	17	2014	26	65,38	16	1	16 sinh viên tốt nghiệp năm 2022 đã được bố trí công tác năm 2023
	Y Khoa	1	2013	13	7,69	0	1	
4	Tốt nghiệp năm 2023							
	<i>Trình độ ĐH</i>							
	Y Khoa	1	2010	22	4,55	0	1	
	Y Khoa	3	2014	3	100,00		3	
5	Tốt nghiệp năm 2024							
	<i>Trình độ ĐH</i>							
	Y Khoa	2	2014	2	100,00	1	1	
	Y Khoa	1	2017	1	100,00	0	1	
6	Tốt nghiệp năm 2025							

STT	Sinh viên tốt nghiệp theo năm, trình độ, ngành đào tạo	Số sinh viên đã tốt nghiệp	Chỉ tiêu được giao			Trong đó		Ghi chú
			Thuộc năm	Tổng số chỉ tiêu được giao của năm	Tỷ lệ (%)	Số sinh viên tốt nghiệp đã được phân công công tác	Số sinh viên chưa được phân công công tác	
	<i>Trình độ ĐH</i>							
	Y Khoa	1	2013	13	7,69	0	1	
	Tổng	62		155	40,00	39	23	